

NGÔN NGỮ HỌC VÀ VIỆT NGỮ HỌC

TIẾNG NGUỒN Ở QUẢNG BÌNH VÀ THỔ NGỮ CAO LAO HẠ NGUYỄN THỊ THÚY*

TÓM TẮT: Về mặt ngôn ngữ, trong vùng vị trí địa lý thuộc tỉnh Quảng Bình, có hai địa bàn tiếng nói được giới nghiên cứu lịch sử tiếng Việt đặc biệt quan tâm. Đó là tiếng Nguồn ở huyện Minh Hóa và thổ ngữ Cao Lao Hạ ở huyện Bố Trạch. Bài viết của chúng tôi dưới đây cung cấp một vài tương ứng về các âm mũi giữa hai thổ ngữ để góp thêm một góc nhìn trong việc giải thích lịch sử biến đổi của dãy âm mũi trong tiếng Việt.

TỪ KHÓA: Tiếng Nguồn; thổ ngữ Cao Lao Hạ; âm mũi; lịch sử tiếng Việt; ngữ âm.

NHẬN BÀI: 29/04/2023.

BIÊN TẬP-CHỈNH SỬA-DUYỆT ĐĂNG: 08/05/2023

1. Dẫn nhập

Trong một nghiên cứu ngữ âm thổ ngữ Cao Lao Hạ đề qua đó góp phần giải thích sự biến đổi lịch sử âm đầu của tiếng Việt [NTThùy, 2022], chúng tôi đã từng nêu ý kiến cho rằng hệ thống phụ âm đầu của ngôn ngữ người Nguồn sinh sống ở huyện Minh Hóa tỉnh Quảng Bình và ngữ âm người Việt ở thổ ngữ Cao Lao Hạ là những địa bàn rất gần gũi về mặt địa lý. Chính sự gần gũi về mặt địa lý này, đồng thời do cả hai tiếng nói đang được cho là lưu giữ một số trạng thái cổ xưa của tiếng Việt, nên chúng có thể góp phần giải thích một vài biến đổi lịch sử âm đầu của tiếng Việt mà một vài nhà Việt ngữ học khi nghiên cứu về tiếng Nguồn [NPPhong, 1997] cũng như thổ ngữ Cao Lao Hạ [Ferus. M, 1995] đã từng nêu ra. Trong nội dung bài viết được tiếp tục từ góc nhìn trong luận án của mình, chúng tôi xin cung cấp thêm những tương ứng trong dãy phụ âm mũi giữa tiếng nói của hai địa bàn nói trên để qua đó góp phần lý giải về quá trình biến đổi của dãy âm mũi trong lịch sử tiếng Việt từ giai đoạn tiền Việt (proto Vietic) cho đến hiện nay.

1.1. Giới thiệu tóm tắt về người Nguồn và tiếng Nguồn ở Minh Hóa

Người Nguồn hiện có khoảng 35.000¹ người sinh sống chủ yếu ở huyện Minh Hóa, là một huyện miền núi phía tây của tỉnh Quảng Bình. Địa bàn của huyện Minh Hóa có đường ranh giới phía đông giáp với huyện Bố Trạch cũng thuộc tỉnh Quảng Bình và gần nơi cư dân nói thổ ngữ Cao Lao Hạ (thuộc xã Hạ Trạch) sinh sống. Cho đến hiện nay, về mặt chính thức, người Nguồn ở Minh Hóa Quảng Bình vẫn được coi như là một bộ phận của *tộc người* (group ethnic) Kinh hay Việt. Tuy nhiên, trong một số nghiên cứu dân tộc học [Cuisinier J, 1948] cũng như ngôn ngữ học [NV Tài, 1995] hay [Trần Trí Dồi, 2016, tr.84], tiếng Nguồn ở Minh Hóa lại được coi là *bộ phận* của *tiếng* nói người Mường.

Theo tài liệu công bố mà chúng tôi biết được, đã có hai mô tả về hệ thống ngữ âm tiếng Nguồn, trong đó có một mô tả về hệ thống âm đầu, đã được thực hiện. Trường hợp thứ nhất là kết quả mô tả của Nguyễn Văn Tài khi tác giả này cho rằng những cư dân Nguồn sinh sống ở Minh Hóa và Tuyên Hóa tỉnh Quảng Bình nói tiếng nói thuộc những thổ ngữ tiếng Mường. Đồng thời ông phân loại đây là những thổ ngữ thuộc *phương ngữ Nam* của tiếng Mường [NVTài, 2005, tr.25]. Ông cũng cho biết thổ ngữ tiếng Nguồn được ông mô tả là thổ ngữ tiếng Nguồn ở làng Cô Liêm. Tuy nhiên, khi tách riêng để mô tả những âm đầu của các phương ngữ Mường phía nam, ông đã gộp thổ ngữ tiếng Nguồn ở Cô Liêm vào nhóm âm đầu tiếng Mường ở Giáp Lai, Lâm La, Làng Lữ và Nghĩa Mai thuộc tỉnh Nghệ An [NVTài, 2005, tr.71-72] nên vì thế không đủ cơ sở để chúng ta nhận biết danh sách phụ âm đầu mà ông cho biết là thuộc về nhóm thổ ngữ tiếng Mường chung này hay là danh sách âm đầu của riêng thổ ngữ Nguồn ở Cô Liêm. Chính vì lý do đó, chúng ta mới có thể nói, mô tả về âm đầu tiếng Nguồn mà ông Nguyễn Phú Phong cung cấp (năm 1997) mới chính là một mô tả cụ thể và duy nhất về thổ ngữ Nguồn ở huyện Minh Hóa tỉnh Quảng Bình.

* TS; Trường Đại học sư phạm kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh;

Email: thuy.nguyenthi@hcmute.edu.vn; thanhthuyforyou@yahoo.com

Theo trình bày của tác giả Nguyễn Phú Phong trong công trình của ông, hệ thống phụ âm đầu tiếng Nguồn mà ông cung cấp cho chúng ta dựa trên cơ sở phân tích ba thổ ngữ trong địa bàn. Đó là thổ ngữ Nguồn ở làng Cồ Liêm (làng Trèm) thuộc xã Trung Hóa, ở làng Bốc Thọ hay Yên Thọ thuộc xã Tân Hóa và ở làng Sặt thuộc thị trấn Quy Đạt của huyện Minh Hóa. Ông cho biết đây là sản phẩm nghiên cứu điền dã của một nhóm nhà nghiên cứu thực hiện từ năm 1985 đến năm 1993 mà tác giả chỉ là người công bố kết quả. Sau khi nêu các ví dụ cụ thể cho các phụ âm đầu mà ông xác lập, Nguyễn Phú Phong đã đề nghị danh sách phụ âm đầu của tiếng Nguồn ở ba thổ ngữ nói trên theo một danh sách như sau [NP Phong, 1997, tr.17]:

Bảng 1.1. Danh sách phụ âm đầu của tiếng Nguồn (Nguồn: NP Phong)

môi	đầu lưỡi	quạt lưỡi	ngạc	mạc	họng
p'	t'				
p	t	tʔ	c	k	ʔ
b	d/dʰ	s	s	ʒ	h
f					
v		r	z/j	ʎ	
m	n		ɲ	ŋ	

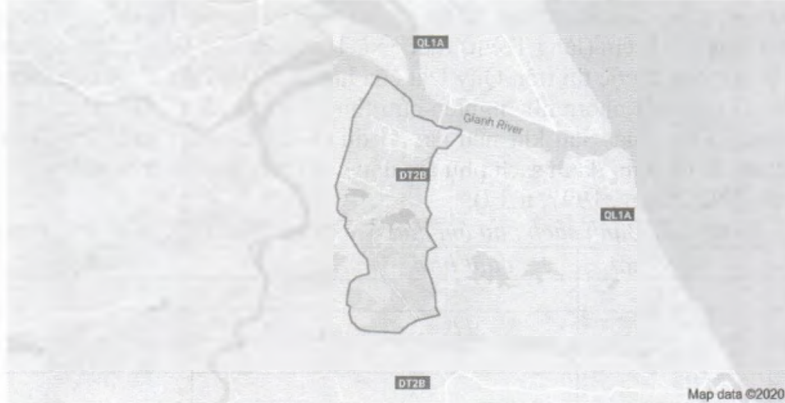
Danh sách phụ âm đầu tiếng Nguồn ở Minh Hóa mà Nguyễn Phú Phong xác lập có 23 đơn vị; trong đó có 03 đơn vị có dạng thể hiện bằng hai biến thể khác nhau là [tʔ], [d/dʰ] và [z/j]. Tuy nhiên, có một chi tiết theo chúng tôi nên được điều chỉnh theo hướng bổ sung cho danh sách mà ông đưa ra. Đó là, trong danh sách tổng hợp âm đầu tiếng Nguồn ở trang 17 của công trình như được chúng tôi thể hiện ở *bảng 1.1*, Nguyễn Phú Phong đã không ghi nhận sự hiện diện của phụ âm [l] lỏng; thể nhưng ở trang 14 của chính công trình đó, tác giả đã dẫn ra những ví dụ về từ tiếng Nguồn với những từ có âm đầu [l] này. Cho nên, trên thực tế, danh sách phụ âm đầu tiếng Nguồn của Nguyễn Phú Phong phải được xác định là 24 đơn vị phụ âm.

Ở đây, chúng tôi không bình luận về danh sách âm đầu của tiếng Nguồn do Nguyễn Phú Phong đề xuất. Lí do là, trong công trình ông chưa cho biết danh sách ấy được thể hiện theo nguyên tắc xác lập các cặp từ tối thiểu như thế nào. Vì thế chúng tôi sử dụng danh sách phụ âm đầu tiếng Nguồn nói trên chỉ để với mục đích so sánh và giải thích tình trạng âm đầu của thổ ngữ Cao Lao Hạ do chúng tôi xác lập trong tiến trình phát triển lịch sử của tiếng Việt. Chính vì thế, sau khi góp phần làm sáng tỏ tình trạng âm đầu của thổ ngữ làng Cao Lao Hạ, việc đặt hệ thống ấy trong môi liên hệ lịch sử của ngữ âm tiếng Việt là cần thiết. Với cách làm này, những thông tin về hệ ngữ âm của tiếng địa phương Quảng Bình nói chung và hệ thống âm đầu tiếng Nguồn mà Nguyễn Phú Phong miêu tả là rất hữu ích.

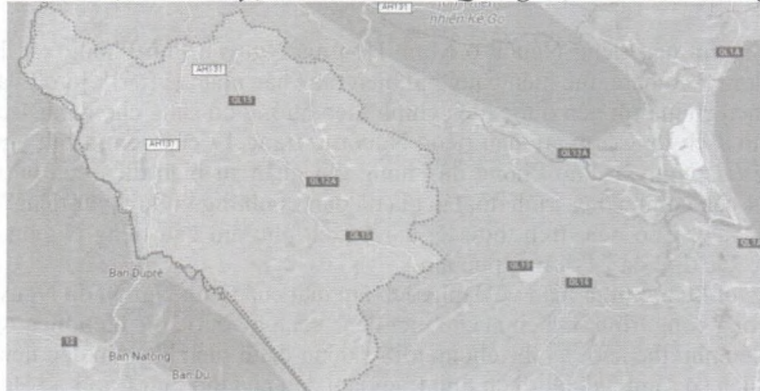
1.2. Tóm tắt về cư dân và thổ ngữ Cao Lao Hạ ở huyện Bố Trạch

Cuốn “Lịch sử xã Hạ Trạch 1470-2015” cho biết “Xã Hạ Trạch, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình (trước đây là làng Cao Lao Hạ)” [UBND xã Hạ Trạch, 2019, tr.5]. Điều này có nghĩa là làng Cao Lao Hạ mà thổ ngữ của làng được gọi là *thổ ngữ Cao Lao Hạ* thuộc địa bàn xã Hạ Trạch huyện Bố Trạch tỉnh Quảng Bình hiện nay. Xã Hạ Trạch nằm ở bờ nam sông Gianh, là nơi hợp lưu của ba nguồn (nguồn Nậy, nguồn Nan và nguồn Sơn) tạo thành dòng sông Gianh chảy ra biển. Trong đó, nguồn Nậy là một trong những dòng sông chính bắt nguồn từ vùng miền núi phía tây thuộc địa phận huyện Minh Hóa nơi người Nguồn sinh sống. Hai bản đồ về vị trí của làng Cao Lao Hạ và địa bàn huyện Minh Hóa mà chúng tôi thể hiện dưới đây cho thấy nơi cư trú của người Nguồn và nơi cư trú của người Cao Lao Hạ và qua đó có thể nhận thấy về mặt địa lí nhiều khả năng trong quá khứ vùng đất cư dân của hai địa bàn có thể có mối liên hệ trong lịch sử.

Ảnh 1.1. Địa lí của xã Hạ Trạch, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình từ bản đồ Google



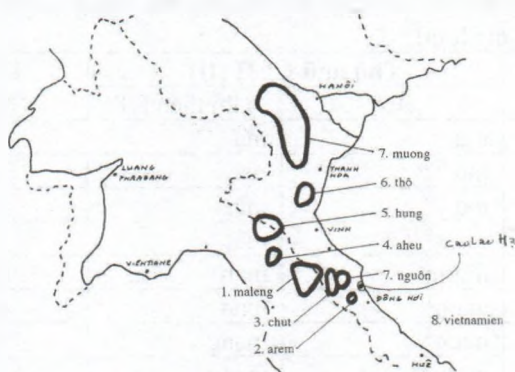
Ảnh 1.2. Địa lí của huyện Minh Hóa tỉnh Quảng Bình từ bản đồ Google



Về địa lí tự nhiên, hai bản đồ nói trên cho chúng ta nhận thấy, làng Cao Lao Hạ như là nơi tụ sơn hội thủy của miền núi phía tây Quảng Bình, một nơi định cư được cho là “nhất cận sơn, nhì cận thủy” mà không phải nhiều nơi cũng có. Với mối liên hệ về mặt địa lí liên quan đến sông nước như thế, sẽ có một câu hỏi được đặt ra liệu trong quá khứ lịch sử, tiếng Việt của những cư dân ở Cao Lao Hạ liệu có liên quan gì với cộng đồng người nói tiếng Nguồn cư trú ở huyện Minh Hóa, nơi khởi nguồn của rào Nậy (sông Gianh) hay không?

Khi xác định vị trí địa lí của thổ ngữ Cao Lao Hạ trong tiếng địa phương Quảng Bình trong mối liên hệ với những vùng địa lí khác nhau của tiếng Việt, M. Ferlus đã vẽ một sơ đồ định vị thổ ngữ này từ góc nhìn địa lí trong khu vực. Sơ đồ vị trí địa lí liên quan đến thổ ngữ Cao Lao Hạ mà M. Ferlus thể hiện cho thấy có hai nhóm cư dân sinh sống ở Quảng Bình gần với người Cao Lao Hạ nhất là cộng đồng Arem ở huyện Bố Trạch [Trần Trí Dõi, 2016] và cộng đồng người Nguồn. Cả hai cộng đồng này đều thuộc khối cư dân *nhóm tiếng Việt* (Vietic). Trong hai nhóm cư dân ấy, tiếng Nguồn được cho là tiếng nói của nhóm cư dân thuộc cộng đồng nói tiếng Mường. Chính vì thế về mặt lịch sử nó là tiếng nói có quan hệ cội nguồn gần nhất với tiếng Việt mà thổ ngữ Cao Lao Hạ là một bộ phận. Mối quan hệ này đã được Trần Trí Dõi xác định khi ông viết rằng “tiếng Mường là ngôn ngữ có họ hàng gần nhất, rất quan trọng đối với việc nghiên cứu lịch sử tiếng Việt” [Trần Trí Dõi, 2011, tr.111]. Chính vì thế, khi có được kết quả mô tả về hệ thống ngữ âm của thổ ngữ Cao Lao Hạ, chúng ta không thể bỏ qua sự so sánh hệ thống âm đầu của thổ ngữ này với hệ thống âm đầu của những thổ ngữ tiếng Nguồn ở Minh Hóa.

Sơ đồ 1.1. Làng Cao Lao Hạ, tiếng Nguồn và những ngôn ngữ nhóm tiếng Việt (nguồn: M. Ferlus)



Như vậy, trong số những lí do được nêu ra, sự gần gũi về mặt địa chính là lí do vì sao ở đây chúng tôi đặt vấn đề so sánh nhóm phụ âm đầu *mũi* (nasal) tiếng Nguồn với phụ âm cùng phương thức cấu âm của thổ ngữ Cao Lao Hạ để góp phần giải thích thêm về sự biến đổi lịch sử âm đầu của tiếng Việt.

Trong nghiên cứu trước đây đã được công bố [NT Thùy, 2022, tr.107-108] chúng tôi trên cơ sở nhận diện “các cặp đối lập tối thiểu” đã xác định một danh sách 23 phụ âm đầu trong thổ ngữ Cao Lao Hạ. Trong danh sách 23 phụ âm đầu ấy, loạt phụ âm đầu mũi chỉ xuất hiện ở ba vị trí cấu âm là *môi* [m], *lợi* [n] và *mạc* (ngạc mềm) [ŋ] mà không thấy hiện diện phụ âm *ngạc* (ngạc cứng) [ɲ]. Bức tranh cụ thể của hệ thống phụ âm làm âm đầu trong thổ ngữ Cao Lao Hạ là như sau.

Bảng 1.2. Hệ thống phụ âm đầu trong thổ ngữ Cao Lao Hạ

	<i>môi-môi</i>	<i>môi-răng</i>	<i>lợi</i>	<i>quặt lưỡi</i>	<i>ngạc cứng</i>	<i>ngạc mềm</i>	<i>thanh hầu</i>
<i>tắc</i>	ɓ		t d'	t	c ɟ	k	ʔ
			tʰ	tʰl		kʰ	
<i>mũi</i>	m		n			ŋ	
<i>xát</i>		f v	s	ʂ z			h
			ð				
<i>xát bên</i>					j		
<i>bên</i>			l				

Sự thiếu vắng một *đơn vị âm vị* (phonematic unit) phụ âm *ngạc* (ngạc cứng) [ɲ] trong thổ ngữ Cao Lao Hạ là một hiện tượng thú vị liên quan đến sự biến đổi dãy phụ âm mũi của tiếng Việt. Chúng tôi hi vọng khi so sánh với tư liệu hiện có của tiếng Nguồn, một tiếng nói được cho là thuộc tiếng Mường, tư liệu sẽ cho phép chúng ta có lời giải thích tình trạng đặc biệt này của thổ ngữ Cao Lao Hạ trong tiến trình lịch sử tiếng Việt.

2. Tư liệu và nhận xét

2.1. Tư liệu tương ứng phụ âm mũi thổ ngữ Cao Lao Hạ và tiếng Nguồn

Ở phần dưới đây, chúng tôi sẽ cung cấp những tương ứng về dãy *âm mũi* của tiếng Việt (cột 1), mà chúng tôi gọi là *tiếng Việt toàn dân* với tiếng Việt ở thổ ngữ Cao Lao Hạ (cột 2), với tiếng Nguồn (cột 3) và tiếng địa phương Nghệ Tĩnh² (cột IV). Tình hình tư liệu mà chúng tôi có được là như sau³.

- Phụ âm /m/ (chữ Quốc ngữ *m*) trong tiếng Việt toàn dân. Ở thổ ngữ Cao Lao Hạ, phụ âm tương ứng với tiếng Việt là phụ âm /m/; ở tiếng Nguồn phụ âm tương ứng là /m/ (12 trường hợp), /v/ (04 trường hợp) và /l/ (01 trường hợp).

Số TT	Tiếng Việt toàn dân (I)	Thổ ngữ CLH (II)		TN (III) (Nếu có)	NT (VI) (nếu có)
		IPA	Ghi theo LT		
1	mẹ	ma: ^{11?}	mạ	me ⁴	mệ
2	má	ma: ^{44?}	má	ma ³	má
3	mài (dao)	ma:j ³¹	mài	maj ²	mài
4	mắc (bận)	ma:k ^{44?}	mác	-	-
5	mượn	ma:n ^{11?}	mạn	ma:n ⁴	-
6	mặn	ma:n ³¹	mạn	mặn ⁴	mặn
7	măng	ma:ŋ ⁴⁴	mang	văn ¹	măng
8	(có) mang	ma:ŋ ⁴⁴	mang	kɔ ³ van ¹	-
9	mạt (gà)	ma:t ^{11?}	mạt	-	-
10	mặt (trời)	ma:t ^{11?} (tɬə:j ³¹)	mặt (trời)	măt ⁸ (tə:j ²)	mặt trời
11	mau (nhanh)	ma:w ⁴⁴	mao	lap ¹	-
12	máu	ma:w ^{44?}	máo	maw ³	máu
13	mỏ muối	ma: ^{11?} mɔj ^{44?}	mỏ mới	mɔ ⁵ vɔj ³	mỏ mới
14	mó (rờ)	ma: ³¹	mó	-	-
15	móc (mới ra)	ma:k ^{44?}	móóc	-	-
16	muỗi	mɔj ^{11?}	mọi	mɔn ²	mọi
17	muối	mɔj ^{44?}	mói	vɔj ³	mói
18	mòng	mɔŋ ^{11?} (tʰɛ: ^{44?})	mọng (thé)	mɔŋ ⁵	mòng
19	mè (vùng)	mɛ: ³¹	mè	mɛ ²	vàng
20	mưa	muɔ ⁴⁴	mưa	mia ¹	mưa

- Phụ âm /n/ (chữ Quốc ngữ *n*) trong tiếng Việt toàn dân. Phụ âm này của tiếng Việt tương ứng với phụ âm /n/ trong thổ ngữ Cao Lao Hạ. Ở tiếng Nguồn phụ âm tương ứng là /n/ (08 trường hợp), /d/ (04 trường hợp) và /l/ và /m/ (đều có 01 trường hợp).

Số TT	Tiếng Việt toàn dân	Thổ ngữ CLH		Tiếng Nguồn (Nếu có)	Nghệ Tĩnh (nếu có)
		IPA	Ghi theo LT		
1	nửa	na: ^{44?}	ná	na ³	nửa
2	này (lên)	na:j ^{11?}	nại	-	nây
3	nước	na:k ^{44?}	nác	ɗak ⁷	nác
4	(một) nạm	na:m ^{11?}	nạm	năm ³	nạm
5	nằm	na:m ³¹	nằm	nằm ²	nằm
6	năm (5)	na:m ⁴⁴	nam	ɗăm ¹	năm
7	náng (chân)	na:ŋ ^{11?} (ka:ŋ ^{11?})	nạng (cạng)	-	-
8	nướng	na:ŋ ^{44?}	náng	naŋ ³	náng
9	nấp (vò ốc)	na:p ^{44?} (ɔ:k ^{44?})	náp (ốc)	-	nấp
0	no	no: ⁴⁴	no	-	no
1	nói	nɔj ^{44?}	nói	nɔj ³	nói
2	nóng	nɔŋ ^{44?}	nóng	nɔŋ ³	nó(ó)ng
3	nuốt	nɔt ^{44?}	nót	ɗɔ:t ⁷	nót
4	nêm (chêm)	nem ⁴⁴	nêm	-	-
5	ném	nem ^{44?}	ném	ɗem ³	ném

6	nép, nấp	nep ^{44?}	nép	-	-
7	nói (lợi)	nuw ^{44?}	nừ	loi ⁴	-
8	núm (vú)	nuəm ^{44?} (bu: ^{11?})	nuốm (bụ)	num ³ (ʔu ³)	núm/núm
9	(béo) núc	nuk ^{44?} (nic ^{44?})	núc (nich)	nuk ⁷	-
0	nốt (ruồi)	nut ^{44?} (zɔj ³¹)	nút (ròi)	mun ⁴ ruoj ²	mọt (ròi)

- Phụ âm /ɲ/ (chữ Quốc ngữ *nh*) trong tiếng Việt toàn dân. Trong thổ ngữ Cao Lao Hạ, phụ âm tiếng Việt này tương ứng với [j] (15 trường hợp) và [l] (05 trường hợp). Còn ở tiếng Nguồn phụ âm này tương ứng là /p/ (07 trường hợp), /l/ (02 trường hợp), /j/ (01 trường hợp) và /ʃ/ (01 trường hợp).

Số TT	Tiếng Việt toàn dân	Thổ ngữ CLH		Tiếng Nguồn (Nếu có)	Nghệ Tĩnh (nếu có)
		IPA	Ghi theo LT		
1	nhà	ja: ³¹	yà	ɲa ²	nhà
2	nhai, nhá	ja: ^{44?}	yá	ɲai ¹	nhai
3	nhảy	ja:j ^{11?}	yại	ɲǎn ⁵ /zǎn ⁵	nhảy
4	nhái	ja:j ^{44?}	yái	ʃe ¹	nhái
5	nháy mắt	ja:j ^{44?} ma:t ^{44?}	yái mát	ɲǎj ³ tɔŋ ² /ʔlɔŋ ²	nháy
6	biếng nhác	ja:k ^{44?}	yác	ɲak ⁷	nhác
7	(nếp) nhãn	ja:n ⁴⁴	yan	(pet ⁷ /bit ⁷) ɲǎn ¹	nhãn
8	nhỏ, bé	jo: ^{11?}	yọ	ɲɔ ⁵	nhỏ
9	(mệt) nhọc	jo:k ^{11?}	yọc	ɲɔk ⁸	nhọc(ọ)c
0	(gây) nhom	jom ⁴⁴	yom	-	tóm
1	nhề (nước ra)	je: ^{11?}	yề	-	nhề
2	nhời (chơi)	je:j ^{11?}	yời	-	nhời
3	nhân, dìm	jen ^{11?}	yân	-	nhận
4	nhện nhà	jen ^{11?}	yặng	jen ⁴ /zen ⁴	nhện
5	nhện (lửa)	jem ⁴⁴ la: ^{11?}	yem lạ	ɲen ¹	nhện
6	nhặng	la:ɲ ³¹	làng	-	lặng
7	(vị) nhạt	la:t ^{11?}	lạt	la:t ⁸	lạt
8	nhanh	lap ⁴⁴	lanh	lǎp ¹	lanh
9	nhỡ	lɔ: ^{11?}	lợ	-	lợ
0	nhằm	ləm ³¹	lằm	-	lằm

- Phụ âm /ŋ/ (chữ Quốc ngữ *ng, ngh*) trong tiếng Việt toàn dân. Ở thổ ngữ Cao Lao Hạ, phụ âm tiếng Việt này đều tương ứng với /ŋ/. Trong tiếng Nguồn phụ âm tương ứng là /ŋ/ (13 trường hợp) và /p/ hay /b/ (01 trường hợp).

Số TT	Tiếng Việt toàn dân	Thổ ngữ CLH		Tiếng Nguồn (Nếu có)	Nghệ Tĩnh (nếu có)
		IPA	Ghi theo LT		
1	ngà	ɲa: ³¹	ngà	ɲa ²	ngà
2	ngày	ɲa:j ³¹	ngái	ɲǎj ²	ngày
3	ngáy	ɲa:j ^{44?}	ngái	ɲǎn ³ /ɲǎj ³	ngáy
4	ngái (xa)	ɲa:j ^{44?}	ngái	-	ngái
5	ngán (vấn)	ɲa:n ^{44?}	ngán	ɲǎn ³ /bǎn ³	ngán
6	ngáp	ɲa:p ^{44?}	ngáp	ɲap ⁷	ngáp
7	ngói	ɲɔj ^{44?}	ngói	ɲɔj ³	ngói
8	(vị) ngon	ɲɔn ⁴⁴	ngon	ɲɔn ¹	ngon
9	ngọt	ɲɔt ^{11?}	ngọt	ɲɔ:t ⁸	ngọt

0	ngược, ngẵng	ŋə:k ^{44?}	ngóc	-	-
1	ngậm miệng	ŋəm ^{11?} mɛ:ŋ ^{11?}	ngậm mặng	ŋəm ⁴ mom ²	ngậm mặng
2	ngâm	ŋəm ⁴⁴	ngâm	-	ngâm
3	nghe	ŋɛ. ^{44?}	nghe	ŋɛ ³	nghe
4	nghe vàng	ŋɛn ^{11?}	nghe	-	-
5	mắc nghe	ŋɛn ^{11?}	nghe	ŋɛn ⁴	nghe
6	ngược (dòng)	ŋwək ^{11?} na:k ^{44?}	ngược nác	-	ngược
7	nghiên răng	ŋiən ^{44?}	nghiên	ŋien ³	nghiên
8	ngiêng đầu	ŋiən ⁴⁴ tlo:k ^{44?}	ngiêng trlóóc	ŋien ¹	ngiêng tróóc
9	ngìn, ngàn	ŋin ³¹	ngìn	ŋan ² /ŋin ²	ngìn
0	nghe (vàng)	ŋɛn ^{11?}	nghe	-	-

2.2. Nhận xét và quy luật “mũi hóa” trong tiếng Việt

Theo quy luật “mũi hóa” trong biến đổi ngữ âm tiếng Việt, trên đại thể “dãy âm thanh hầu hóa” tiền Việt (proto Vietic) bao gồm bốn vị trí cấu âm đã nhập với “dãy âm mũi” tiền Việt để có một dãy phụ âm mũi /m, n, ɲ, ŋ/ tiếng Việt hiện nay [Trần Trí Dõi, 2009-2011, tr.186-197; 2022]. Tuy nhiên, tương ứng giữa tiếng Việt toàn dân với thổ ngữ Cao Lao Hạ và các phụ âm đầu trong tiếng Nguồn cho thấy quy luật biến đổi này ở tiếng Việt hình như có tình trạng phức tạp hơn, đặc biệt đối với từng thổ ngữ cụ thể. Theo đó, nếu như phụ âm môi /m/, phụ âm đầu lưỡi /n/ và phụ âm gốc lưỡi /ŋ/ tiếng Việt toàn dân là tương ứng gần như đồng nhất có quy luật với thổ ngữ Cao Lao Hạ và tiếng Nguồn thì ở trường hợp phụ âm mặt lưỡi /ɲ/ cho chúng ta biết tình hình biến đổi phức tạp hơn. Cụ thể, âm đầu /ɲ/ tiếng Việt toàn dân trong khi chủ yếu tương ứng với phụ âm sát mặt lưỡi [j] (15/20 trường hợp; ví dụ: nhen (lũa)/ ɲem⁴⁴ la:^{11?}, nhe/ ɲen^{44?}, nhô/ jo:^{11?}, v.v) và đồng thời tương ứng với âm đầu sát bên [l] (05/20 trường hợp; ví dụ: nhặng/ la:ɲ³¹, nhạt/ la:t^{11?}, nhanh/ laɲ⁴⁴, v.v) ở tiếng Cao Lao Hạ thì phụ âm tiếng Việt toàn dân này lại tương ứng với tiếng Nguồn là /ɲ/ (07 trường hợp), /l/ (02 trường hợp), /j/ (01 trường hợp) và /ʃ/ (01 trường hợp).

Tình trạng tương ứng giữa tiếng Việt toàn dân với thổ ngữ Cao Lao Hạ và tiếng Nguồn như trên đã làm sáng tỏ những nghiên cứu của nhiều nhà Việt ngữ học về quy luật “mũi hóa”. Theo đó, tương ứng giữa thổ ngữ Cao Lao Hạ và tiếng Nguồn xác nhận những phụ âm mũi và “dãy âm thanh hầu hóa” tiền Việt đã nhập vào dãy âm mũi trong tiếng Việt cả ở bốn vị trí cấu âm là hoàn toàn có cơ sở. Chứng cứ của biến đổi ấy đã được nhận thấy đều đặn ở trường hợp âm phụ âm /j/ ở thổ ngữ Cao Lao Hạ và âm /ɲ/ của tiếng Nguồn. Trong khi đó, tình trạng tương ứng giữa âm /ɲ/ tiếng Việt toàn dân và âm đầu sát bên [l] ở Cao Lao Hạ và tiếng Nguồn rất có thể chỉ là tương ứng về sau, bởi vì những trường hợp như nhặng/ la:ɲ³¹, nhạt/ la:t^{11?}, nhanh/ laɲ⁴⁴, v.v như vừa được nêu có chứng cứ để có sự giải thích khác. Theo đó, trong Từ điển Việt - Bồ - La [Rhodes A. de, 1651] cho biết tương ứng này là một sự biến đổi mới của của tiếng Việt ở Cao Lao Hạ, tức âm đầu sát bên [l] là cách xử lí khác của *mlăng, mlạt, mlanh*, v.v.

Cho nên, tương ứng âm đầu /ɲ/ tiếng Việt toàn dân và phụ âm đầu sát mặt lưỡi [j] ở Cao Lao Hạ và /ɲ/ của tiếng Nguồn xác nhận chúng ta biết rằng “dãy âm thanh hầu hóa” tiền Việt đã hoàn tất quá trình mũi hóa rồi sau đó mới biến đổi thành âm sát mặt lưỡi [j] ở thổ ngữ Cao Lao Hạ. Chính vì thế, nhiều khả năng không phải toàn bộ các thổ ngữ của tiếng Việt thuộc phương ngữ Trung xử lí âm /ɲ/ thành âm sát [j] hiện nay mà chỉ xảy ra ở một số thổ ngữ ở tiểu vùng địa phương Quảng Bình, trong đó có thổ ngữ Cao Lao Hạ. Cho nên, tương ứng giữa âm mũi /j/ của Cao Lao Hạ với âm mũi /ɲ/ của tiếng Mường cho thấy nếu theo góc nhìn của quy luật “mũi hóa”, thổ ngữ Cao Lao Hạ thực sự là một thổ ngữ của tiếng Việt; còn tiếng Nguồn hoàn toàn là một tiếng nói thuộc vào tiếng Mường cho dù cả hai đều là ngôn ngữ thuộc nhóm tiếng Việt.

Chú thích:

¹ Số liệu lấy từ nguồn Wikipedia mở viết về “người Nguồn” (truy cập ngày 28.04.2023). Theo số liệu của *Ban chỉ đạo Tổng điều tra dân số và nhà ở trung ương về “Dân số đến 01 tháng 4 năm 2019 - tỉnh Quảng Bình”* thì dân số của huyện Minh Hóa đến năm 2019 là 50.670 người (nguồn Wikipedia mở viết về “Minh Hóa”, truy cập ngày 28.04.2023).

² Tư liệu tiếng Nghệ Tĩnh lấy từ công trình [NN Bản:1999].

³ Các tương ứng dưới đây lấy từ [NT Thủy: 2022].

TÀI LIỆU THAM KHẢO CHÍNH**Tiếng Việt**

1. Nguyễn Nhã Bản (*chủ biên*) (1999), *Từ điển tiếng địa phương Nghệ Tĩnh*. Nxb Văn hóa Thông tin.
2. Trần Trí Dõi (2009), *Về nguồn gốc lịch sử của dãy âm đầu mũi [m, n, ñ, ɲ] hiện nay trong tiếng Việt*. Ngôn ngữ, 11(246), tr.1-11.
3. Trần Trí Dõi (2011), *Giáo trình lịch sử tiếng Việt*. Hà Nội: Nxb Giáo dục Việt Nam.
4. Trần Trí Dõi (2016), *Ngôn ngữ các dân tộc thiểu số ở Việt Nam* (Language of ethnic minorities in Vietnam). Hà Nội: Nxb Đại học Quốc gia.
5. Trần Trí Dõi (2022), *Lịch sử ngôn ngữ người Việt góp phần tìm hiểu văn hóa Việt Nam*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội - 2022, 604 tr.
6. Nguyễn Phú Phong (1997), *Le parler Nguồn (tiếng Nguồn)*. Université Paris 7- Denis Diderot, 1997.
7. Rhodes A. de (1651), *Từ điển Annam - Lusitan - Latinh*, Nxb Khoa học xã hội, 1991.
8. Nguyễn Văn Tài (1975), *Tiếng Nguồn, một phương ngữ của tiếng Việt hay một phương ngữ của tiếng Mường?*. Ngôn ngữ, 4 (26), tr.8-16.
9. Nguyễn Văn Tài (2005), *Ngữ âm tiếng Mường qua các phương ngôn*, Nxb Từ điển bách khoa.
10. Nguyễn Thị Thủy (2022), *Phụ âm đầu của thổ ngữ Cao Lao Hạ (tỉnh Quảng Bình) và lịch sử phụ âm đầu tiếng Việt*. Luận án Tiến sỹ, Trường Đại học KH XHNV-ĐHQG tp HCM, năm 2022.
11. Ủy ban nhân dân xã Hạ Trạch (2019), *Lịch sử xã Hạ Trạch (1470-2015)*. Nxb Thuận Hóa.

Tiếng Pháp

12. J.Cuisinier (1948), *Les Muong*, Paris Institut D’Ethnologie, 1948.
13. Ferlus M. (1995), *Particularités du dialecte vietnamien de Cao Lao Hạ (Quảng Bình, Vietnam)*. Dxiemes Journées de linguistique de l’Asie Orientale CRLAO (CNRS - EHESS). 16-17 mai 1995, Paris, 6p.

The language of Nguồn and Cao Lao Hạ subdialect

Abstract: In terms of language, in the geographical area of Quảng Bình province, there are two areas of language that are of particular interest to Vietnamese historical researchers. It is the language of Nguồn in Minh Hóa district and Cao Lao Hạ subdialect in Bố Trạch district. Their article below provides a few correspondences about nasal sounds between the two dialects to contribute an additional perspective in analyzing the changing history of the nasal sound series in Vietnamese.

Key words: language of Nguồn; Cao Lao Hạ subdialect; nasal sound; history of Vietnamese; phonetic.